

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày 22-7-2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm: 1973 – Chức danh: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quốc K, sinh năm: 1979 – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh B (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Bà Mai Thị Kim D, sinh năm: 1986 – Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Chi nhánh B (có mặt).

Địa chỉ: Số 03 đường D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Đào Văn M, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 39/32 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mai Thị Kim Dung trình bày:

Ngày 26-05-2017, ông Đào Văn M ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông M với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận tại thời điểm cho vay là 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương đương 3,225%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.025.000đ, cụ thể như sau:

Ngày 05-7-2017, ông M thực hiện giao dịch rút tiền mặt 15.000.000đ, do rút tiền mặt nên ông M phải chịu thêm khoản phí rút tiền mặt 600.000đ.

Ngày chốt dư nợ thẻ tín dụng là ngày 05 hàng tháng.

Đến ngày 05-8-2017, tổng số tiền ông M phải trả cho Ngân hàng S 15.789.200đ (bao gồm: nợ gốc 15.000.000đ + 600.000đ tiền phí + 189.200đ

Kỳ thanh toán ngày 05-9-2017, tổng số tiền ông M phải trả là 16.227.677đ (bao gồm: nợ đầu kỳ trước 15.789.200đ + phí trễ hạn thanh toán 80.000đ + tiền lãi phát sinh trong kỳ 358.477đ), ông M chỉ thanh toán 800.000đ.

Kỳ thanh toán ngày 05-10-2017, tổng số tiền ông M phải trả là 15.853.594đ (bao gồm nợ đầu kỳ 16.227.677đ + phí trễ hạn thanh toán 80.000đ + tiền lãi phát sinh trong kỳ 345.917đ).

Kỳ thanh toán ngày 05-11-2017, tổng số tiền ông M phải trả là 16.447.019đ (bao gồm nợ đầu kỳ 15.853.594đ + số tiền giao dịch 1.025.000đ + phí trễ hạn thanh toán 80.000đ + tiền lãi phát sinh trong kỳ 338.425đ)

Kỳ thanh toán ngày 05-12-2017, tổng số tiền ông M phải trả là : 16.135.183đ (bao gồm : nợ đầu kỳ 16.447.019đ + phí trễ hạn thanh toán 80.000đ + tiền lãi phát sinh trong kỳ 358.164đ – số tiền đã thanh toán 750.000đ)

Tương tự các kỳ tiếp thanh toán tiếp theo ông M không thanh toán nên dư nợ được tính tương tự như các kỳ trước đó.

Do Ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 05-9-2018 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 14.796.930đ sang nợ quá hạn (tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng S đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần gửi Thư nhắc nợ đến nơi ở cũng như nơi làm việc của ông M, yêu cầu ông M có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, cũng như tạo điều kiện về mặt thời gian để ông M trả nợ, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho là vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 22-7-2020, ông M còn nợ tổng cộng 25.693.225đ (trong đó: Nợ gốc 14.796.930đ và nợ lãi quá hạn 10.896.295đ).

Để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết.

1. Buộc ông M phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 22-7-2020 tổng cộng 25.693.225đ (trong đó: Nợ gốc 14.796.930đ và nợ lãi quá hạn 10.896.295đ).

2. Ông M có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23-7-2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Đào Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị đơn ông Đào Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 19, 92 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các điều 13, 14, 15 và 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30-6-2016 của Ngân hàng Nhà nước (sửa đổi năm 2017, 2019) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Minh phải thanh toán cho Ngân hàng S khoản nợ gốc

14.796.930đ và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10.896.295đ và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M phải thanh toán khoản tiền phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 26-5-2017 được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 26-5-2017, ông M và Ngân hàng S ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương đương 3,225%/tháng việc ký hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên tham gia hợp đồng. Theo thỏa thuận trong quá trình sử dụng thẻ ông M đã thực hiện giao dịch rút tiền mặt 15.000.000đ và thanh toán tiền mua hàng 1.025.000đ, tổng cộng 16.025.000đ kể từ ngày kích hoạt thẻ, nhưng chỉ thanh toán được 7.850.000đ (gồm tiền gốc, tiền lãi và các khoản phí phát sinh) rồi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định của pháp luật. Trong quá trình tố tụng, ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật nên phải chịu hậu quả về việc vắng mặt và việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

[3.2] Về nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ và bảng tóm tắt sao kê việc sử dụng thẻ tín dụng của ông M, xác định ông M đã giao dịch số tiền 16.025.000đ và thanh toán được 1.228.070đ nợ gốc còn lại 14.796.930đ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc có nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu tính tiền lãi thì thấy tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 26-5-2017 và các phụ lục kèm theo thì việc sử dụng thẻ là có lãi và người sử dụng thẻ phải chịu chi phí phát sinh do đó ông M phải chịu tiền lãi và chi phí phát sinh theo thỏa thuận. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S chuyển lãi trong hạn thành lãi quá hạn và buộc ông M phải trả tính đến ngày 22-7-2020 với số tiền 10.896.295đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những nhận định và phân tích trên cần tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông M phải thanh toán tổng số tiền 25.693.225đ (trong đó nợ gốc 14.796.930đ và nợ lãi 10.896.295đ).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông M phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $25.693.225đ \times 5\% = 1.284.661đ$ (làm tròn là 1.284.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Đào Văn M.

Buộc ông Đào Văn M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 25.693.225 (hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm hai mươi lăm) đồng (trong đó nợ gốc 14.796.930đ và nợ lãi 10.896.295đ), theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 26-5-2017.

Kể từ ngày 23-7-2020, ông Đào Văn M còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 26-5-2017 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Văn M phải nộp 1.284.000 (một triệu, hai trăm tám mươi bốn ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn trả 586.250 (năm trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2020/0000286 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Hoàng Đức